

Bản án số: 151/2019/HS-PT
Ngày 20 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**
Các Thẩm phán: Ông **Cao Quốc Chiến**
Ông **Võ Thanh Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 81/2019/HS-PT ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo **Võ Văn P** và **Phạm Thanh T** do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Võ Văn P**, sinh năm 1986, tại huyện R, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn K** và bà **Nguyễn Thị Bé H**; vợ **Lý Thị Kim H** và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/11/2018 đến ngày 16/11/2018 được tại ngoại và bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Thanh T**, sinh năm 1981, tại huyện V, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu P Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn X** và bà **Lê Thị Tuyết M**; có vợ **Phạm Thị Bé N** và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: ngày 31/12/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 40.000.000đồng về tội “Vận chuyển, buôn bán hàng cấm” đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/11/2018 đến ngày 16/11/2018 được tại ngoại và bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Văn P là người lái xe ô tô tải chở hàng thuê cho người khác, P thường xuyên giao hàng hóa tại chợ Trung tâm thương mại Ba Hòn nên quen biết với bị cáo Phạm Thanh T. Khoảng 20 giờ ngày 08/11/2018 bị cáo P và bị cáo T điện thoại cho nhau, P đặt mua của T 2.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO và 300 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET, sau đó hẹn giao nhận vào sáng ngày 09/11/2018. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 09/11/2018 P điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 54S-8650 đến chợ Trung tâm thương mại Ba Hòn để giao hàng, sau khi P giao hàng xong, T mang đến giao cho P 2.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO và 300 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET để trong thùng giấy cất giấu trong thùng xe ô tô tải, khoảng 10 phút sau khi T và P giao nhận thuốc thì bị Công an huyện K bắt quả tang thu giữ toàn bộ số thuốc lá trên và xe ô tô tải biển kiểm soát 54S-8650.

Quá trình ghi lời khai bị cáo P, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện K phát hiện bị cáo T là người có hành vi phạm tội nên tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T phát hiện và thu giữ 100 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO, 30 bao thuốc lá điều nhãn hiệu MARCE, 30 bao thuốc lá điều nhãn hiệu RAM và 25 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET. Số thuốc lá này T mua của người khác để bán lẻ tại tiệm của T

Vật chứng vụ án:

1/ 2.600 (hai nghìn sáu trăm) bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu HERO.

2/ 325 (ba trăm hai mươi lăm) bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu JET.

3/ 30 (ba mươi) bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu MARCE.

4/ 30 (ba mươi) bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu RAM.

5/ 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 54S-8650, nhãn hiệu HUYNDAI, màu sơn trắng, đã qua sử dụng (do tài sản không phải là tài sản của bị cáo P nên Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện K đã trao trả cho chủ sở hữu).

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn P 01 (một) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/11/2018 đến ngày 16/11/2018.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/11/2018 đến ngày 16/11/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 16/5/2019 bị cáo Võ Văn P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo hưởng mức án phạt hành chính hoặc hưởng án treo với lý do

bị cáo phạm tội lần đầu, số lượng hàng không lớn, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Ngày 14/5/2019 bị cáo Phạm Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo đang bị bệnh và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

* Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn P và Phạm Thanh T đã thừa nhận bản án của Tòa án nhân dân huyện K xét xử bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng tội của các bị cáo và yêu cầu giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của hai bị cáo và xử phạt bị cáo P mức án 01 năm tù, bị cáo T 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của hai bị cáo. Tuy nhiên, xét kháng cáo của hai bị cáo thấy rằng, sau khi phạm tội hai bị cáo đề thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận hành vi phạm tội của mình; hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Riêng đối với bị cáo P phạm tội lần đầu; bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội trước đó và sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính của lần trước. Vì vậy, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P, giảm cho bị cáo P mức án còn 06 đến 09 tháng tù; chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm cho bị cáo T mức án còn 09 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Võ Văn P và Phạm Thanh T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 09/11/2018 tại chợ Trung tâm thương mại Ba Hòn - huyện K, Phạm Thanh T bán cho Võ Văn P 2.500 bao thuốc lá điều hiệu Hero và 300 bao thuốc lá điều hiệu Jet, sau khi giao nhận thuốc lá xong thì bị công an kiểm tra bắt quả tang. Qua kiểm tra phát hiện

tại chỗ ở của T thu giữ 100 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Hero, 30 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Marce, 30 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Ram và 25 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thanh T và Võ Văn P về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước và ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội, an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được rằng việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý. Riêng bị cáo T đã từng có một tiền án về tội “Vận chuyển, buôn bán hàng cấm” đúng ra, bị cáo phải biết ăn năn hối cải, tu sửa bản thân, làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội mới phải, trái lại bị cáo lại tiếp tục lao vào còn đường phạm tội, điều này cho thấy bị cáo không biết hoàn lương, do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm hơn so với bị cáo P.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của hai bị cáo, xem xét cụ thể từng vai trò phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với từng bị cáo, xử phạt các bị cáo mức án như trên là có cơ sở. Tuy nhiên, qua xét xử thấy rằng, các bị cáo đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo T còn khai ra lần phạm tội lần trước và sau khi xử sơ thẩm thì bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính của lần phạm tội trước; đối với bị cáo P là phạm tội lần đầu; gia đình các bị cáo cũng khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình, nên xem xét áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đồng thời cũng thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với số tiền 320.000 đồng bị cáo T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang theo lai thu số 02838 ngày 12/8/2019, trong đó có 120.000 đồng là bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính của lần phạm tội trước đó, xét thấy bị cáo tự nguyện nộp nên cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền còn lại 200.000 đồng tại phiên tòa bị cáo khai nộp án phí phúc thẩm, tuy nhiên do bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, do đó tuyên trả lại cho bị cáo 200.000 đồng trên.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo P, giảm cho bị cáo P mức án còn 06 đến 09 tháng tù; chấp nhận

kháng cáo của bị cáo T, giảm cho bị cáo T mức án còn 09 đến 12 tháng tù. Xét thấy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Hai bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Văn P;
- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T.
- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn P - 06 (Sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/11/2018 đến 16/11/2018.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thanh T – 09 (Chín) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/11/2018 đến 16/11/2018.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bị cáo Phạm Thanh T 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí bị cáo đã nộp theo lai thu số 02838 ngày 12/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Các quyết định khác của Bản án số 21/2019/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam CA Kiên Giang (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1);
- VKSND huyện (1);
- TAND huyện (1);
- THA hình sự huyện (1);
- CC THADS huyện (1);
- Bị cáo (2);
- Lưu (7).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang